

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng cầu Ngành : Xây dựng cầu đường Năm học : 2010 - 2011 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Quy hoạch tuyến tính Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3371010011	Nguyễn Thế	Anh	29/03/1991	3	4					3.50	1.05	6.00	4.20	5	
2	3371010047	Hồ Việt	Công	03/03/1990	6	3					4.50	1.35	8.00	5.60	7	Học lại
3	3371010053	Vũ Duy	Cường	08/06/1991	8						8.00	2.40	4.00	2.80	5	Học lại
4	3371010063	Nguyễn Thành	Danh	25/10/1991	9	10					9.50	2.85	10.00	7.00	10	
5	3371010090	Hồ Thành	Đạt	20/10/1991	4	5					4.50	1.35	6.00	4.20	6	Học lại
6	3371010146	Phan Văn	Hảo	08/10/1991	6	4					5.00	1.50	6.00	4.20	6	Học lại
7	3371010149	Đình Văn	Hiếu	14/07/1991	5	7					6.00	1.80	4.00	2.80	5	
8	3371010152	Trần Hoàng Trung	Hiếu	12/05/1991	6	8					7.00	2.10	4.00	2.80	5	Học lại
9	3371010155	Vũ Minh	Hiếu	20/02/1991	9	8					8.50	2.55	9.00	6.30	9	Học lại
10	3371010167	Cù Huy	Hoàng	25/03/1991	6	10					8.00	2.40	8.00	5.60	8	Học lại
11	3371010173	Trần Thị	Hồng	22/09/1991	9	10					9.50	2.85	3.00	2.10	5	
12	3371010174	Trần Văn	Hồng	20/03/1990	5	4					4.50	1.35	7.00	4.90	6	Học lại
13	3371010179	Nguyễn Văn	Hùng	22/10/1991	5	10					7.50	2.25	9.00	6.30	9	Học lại
14	3371010180	Phạm Văn	Hùng	04/05/1990	8	4					6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
15	3371010181	Võ Đức	Hùng	13/08/1990	5	2					3.50	1.05	7.00	4.90	6	Học lại
16	3371010204	Trần Tuấn	Khanh	16/09/1991	3	6					4.50	1.35	6.00	4.20	6	Học lại
17	3371010212	Trần Văn	Khoa	10/06/1991	4	8					6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
18	3271010246	Lê Trần	Khôi	01/06/1988	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
19	3371010234	Nguyễn Văn	Linh	13/07/1991	9	9					9.00	2.70	9.00	6.30	9	Học lại
20	3371010244	Nguyễn Văn	Long	01/07/1991	8	5					6.50	1.95	5.00	3.50	5	Học lại
21	3371010252	Võ Văn	Luân	17/09/1991	7	6					6.50	1.95	5.00	3.50	5	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3371010256	Thành Trọng	Lưu	02/12/1987	1	1					1.00	0.30	6.00	4.20	5	Học lại
23	3371010268	Hoàng Văn	Mong	28/02/1990	6	6					6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
24	3371010287	Nguyễn Thu	Ngọc	20/05/1991	8	10					9.00	2.70	10.00	7.00	10	Học lại
25	3371010296	Huỳnh Hữu	Nhân	12/05/1991	1	0					0.50	0.15	5.00	3.50	4	
26	3371010302	Trần Nguyên	Nhã	16/12/1991	9	5					7.00	2.10	6.00	4.20	6	Học lại
27	3371010308	Tô Thị Hồng	Nhung	23/09/1991	6	9					7.50	2.25	8.00	5.60	8	
28	3271010369	Phan Thế	Phong	04/05/1990	8	1					4.50	1.35	6.00	4.20	6	Học lại
29	3371010337	Nguyễn Thanh	Phượng	01/01/1991	9						9.00	2.70	4.00	2.80	6	Học lại
30	3371010348	Trần Quốc	Quang	10/12/1991	9	7					8.00	2.40	8.00	5.60	8	Học lại
31	3371010385	Phạm Ngọc	Sơn	06/01/1991	7	10					8.50	2.55	10.00	7.00	10	
32	3371010404	Nguyễn Văn	Tân	06/08/1989	5	6					5.50	1.65	5.00	3.50	5	Học lại
33	3371010419	Võ Duy	Thanh	17/09/1991	5	3					4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại
34	3371010420	Vy Lê Thế	Thao	03/02/1991	5	8					6.50	1.95	5.00	3.50	5	Học lại
35	3371010456	Trần Thanh	Thoại	12/09/1991	9	10					9.50	2.85	9.00	6.30	9	Học lại
36	3371010458	Tài Thanh	Thoán	06/10/1990	5	8					6.50	1.95	6.00	4.20	6	Học lại
37	3371010482	Trần Quốc	Tiến	15/07/1991	4	10					7.00	2.10	5.00	3.50	6	Học lại
38	3371010484	Võ Hoàng	Tiến	20/11/1991	7	7					7.00	2.10	7.00	4.90	7	Học lại
39	3371010496	Võ Việt	Tĩnh	15/10/1991	3	6					4.50	1.35	5.00	3.50	5	Học lại
40	3271010567	Tôn Thất Nhật	Triều	13/06/1988	7	8					7.50	2.25	7.00	4.90	7	Học lại
41	3371010519	Phan Chí	Trung	17/02/1990	8	10					9.00	2.70	9.00	6.30	9	
42	3371010546	Đỗ Thanh	Tùng	02/06/1991	5	4					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
43	3371010590	Nguyễn Minh	Vũ	07/09/1991	7	10					8.50	2.55	6.00	4.20	7	Học lại

Tổng: 43.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	8	18.6
Giỏi	3	7.0
Khá	4	9.3

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	11	25.6
Trung bình	15	34.9
Không đạt	2	4.7
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa